

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Chủ tịch Quốc hội cho biết sắp tới Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan sẽ bàn thảo về có các gói hỗ trợ, phục hồi, kích thích nền kinh tế

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước kỳ vọng vào các gói kích thích mới của Chính phủ

## [Thông tin doanh nghiệp]

PAN, HAH

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị nắm giữ các vị thế đã mở và chỉ chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn khi VNIndex tiếp cận vùng đích đã đề cập

08/10/2021

	Thay đổi	
Chỉ số	(%, bp)	
VNIndex	1,372.73	+0.49
VN30	1,476.54	+0.94
HĐTL VN30F1M	1,474.50	+1.35
HNXIndex	371.92	+0.41
HNX30	585.61	+0.06
UPCoM	98.30	+0.35
USD/VND	22,763	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.15	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+8
Dầu (WTI, \$)	79.50	+1.53
Vàng (LME, \$)	1,755.95	+0.01

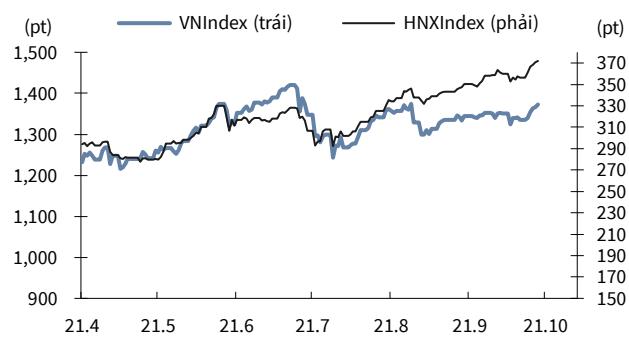


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,372.73 (+0.49%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>632.9 (-1.2%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>788.9 (-9.9%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>371.92 (+0.41%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>97.3 (-12.0%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>80.7 (-10.2%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>98.30 (+0.35%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>131.6 (+29.3%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>78.1 (-6.6%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu U\$)</b>	<b>-7.2</b>

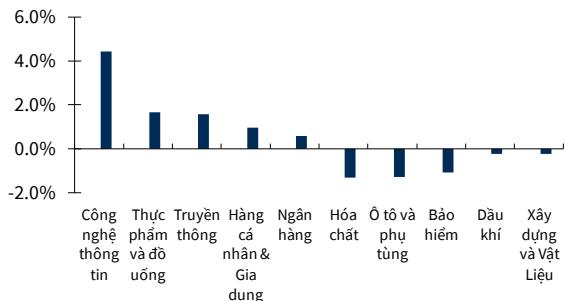
TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Chủ tịch Quốc hội cho biết sắp tới Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan sẽ bàn thảo về có các gói hỗ trợ, phục hồi, kích thích nền kinh tế. Theo số liệu từ Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, sản lượng tiêu thụ điện trung bình ngày trên quy mô toàn quốc trong quý III/2021 giảm 10,53% so với quý II/2021 và giảm 4,14% so với cùng kỳ quý III/2020 khiến cổ phiếu ngành điện giảm giá ở NT2 (-1.8%), POW (-1.6%). Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 9 đạt trên 628 triệu USD (-23% YoY), trong đó xuất khẩu các mặt hàng cá tra và tôm giảm lần lượt 36% và 21% so với cùng kỳ đã tác động tiêu cực đến cổ phiếu thủy sản ở FMC (-1.9%), ANV (-0.3%). Giá lợn và nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh đã dẫn đến số lượng lớn heo đến kỳ xuất bán còn tồn đọng trong chuồng, ước tính khoảng 30% khiến cổ phiếu ngành chăn nuôi giảm giá ở DBC (-0.7%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (+0.2%), VNM (+0.9%), PAN (-0.8%).

## VNIndex & HNXIndex



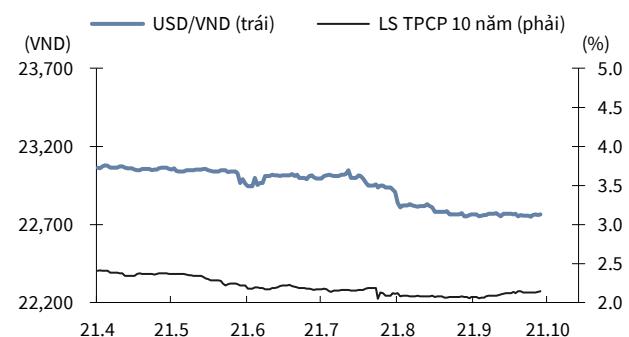
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



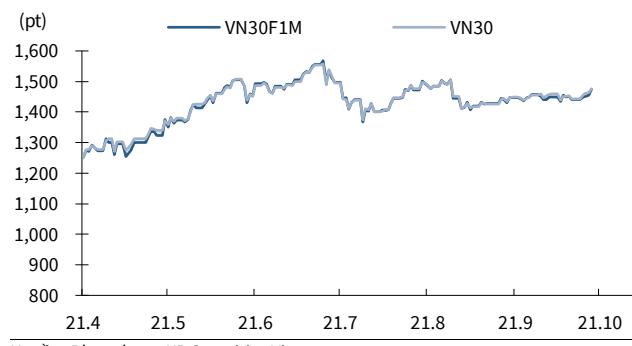
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,476.54 (+0.94%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,474.5 (+1.35%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,458.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,477.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,457.4</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>119,152 (+25.6%)</b>

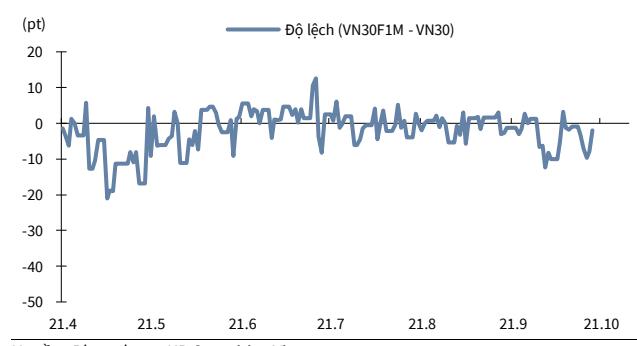
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước kỳ vọng vào các gói kích thích mới của Chính phủ. Chênh lệch F2110 và chỉ số VN30 đột ngột thu hẹp vào cuối phiên sau khi tâm lý hoài nghi của bên Long trong các phiên trước đã được thay thế bởi sự mất kiên nhẫn của bên Short và đóng cửa ở mức -2.04 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

## HĐTL VN30F1M & VN30



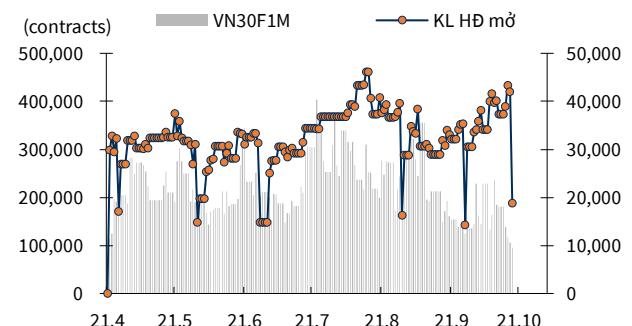
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



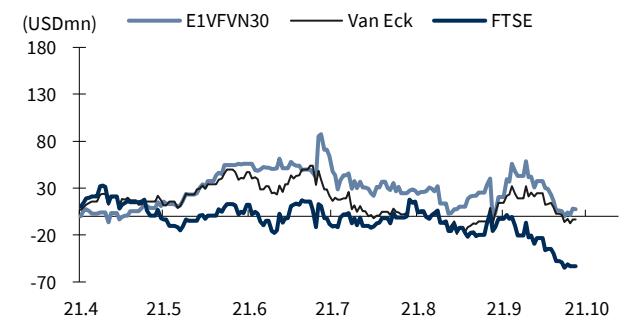
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

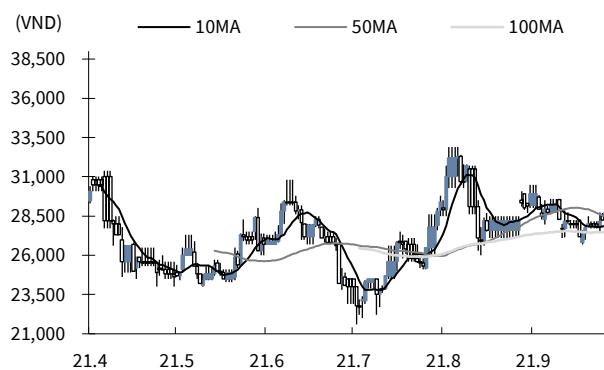
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tập đoàn PAN (PAN)

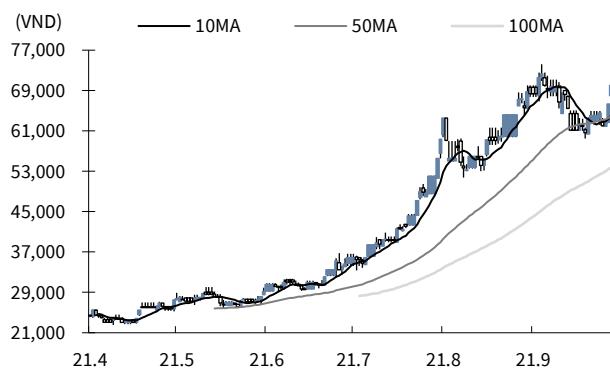


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PAN giảm 0.8% xuống 30,450 VND/cp

- Tập đoàn PAN đăng ký bán 5.4 triệu Thực phẩm Sao Ta từ 12/10 đến 9/11 theo phương thức thỏa thuận để chuyển nhượng cho đối tác. Sau giao dịch, tập đoàn giảm sở hữu FMC từ 30 triệu cổ phiếu xuống 24.7 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ giảm từ 51.12% xuống 41.95%. Theo đó, The PAN Group dự kiến thu về 280 tỷ đồng.

## Công ty Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAH tăng 5.6% lên 70,000 VND/cp

- Công ty Vận tải và Xếp dỡ Hải An công bố bảng giá cước vận tải mới có hiệu lực từ ngày 13/10, lần điều chỉnh giá thứ 2 trong vòng 1 tháng. Theo đó, giá cước tăng 36% so với quý III và tăng trung bình 46% so với đầu năm.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex hồi phục và giằng co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Đà tăng điểm tích cực đã giúp chỉ số vượt qua vùng cản quanh 1360 thành công. Mặc dù khối lượng giao dịch vẫn chỉ duy trì ở mức trung bình thấp, cho thấy đà tích lũy còn dè dặt và rủi ro xuất hiện các nhịp điều chỉnh giằng co đan xen nhưng chúng tôi tiếp tục đánh giá cao khả năng hướng lên vùng đích kỳ vọng gần tại 139x của VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ các vị thế đã mở và chỉ chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn khi VNIndex tiếp cận vùng đích đã đề cập.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1488 - 1491

**Kháng cự gần:** 1478 - 1482

**Hỗ trợ gần:** 1469 - 1472

**Hỗ trợ xa:** 1464 - 1467

- F1 tăng điểm giằng co trong phiên trước khi bất ngờ mở rộng biên độ về cuối phiên.
- Đà tăng điểm tích cực đã giúp chỉ số vượt vùng cản quanh 1460 thành công, hiện đã đảo vai trò điểm đỡ gần cho chỉ số. Mặc dù các nhịp rung lắc có thể xuất hiện đan xen nhưng F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì xu hướng hồi phục với vùng đích kỳ vọng tại 149x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ nhưng chốt ngắn và đặt điểm dừng lỗ chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nắm giữ vị thế qua đêm đã mở, kỳ vọng tiếp cận vùng đích 149x.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

**Khối phân tích KBSV**

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.94%	0.97%
Tăng lũy kế (YTD)	37.90%	59.25%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/10/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	128,800	0.6%	66.7%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD</li> <li>- BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối</li> <li>- Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm</li> </ul>
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	44,000	1.6%	79.9%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền</li> <li>- Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp</li> </ul>
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	99,500	2.6%	29.8%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao</li> <li>- PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ deo tay</li> <li>- Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"</li> </ul>
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,700	0.2%	120.1%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm ( thông qua MIC)</li> <li>- Tỷ lệ CASA cao và việc giá tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM</li> <li>- MCredit vẫn đang được đà nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn</li> </ul>
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	70,500	-1.1%	107.4%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE</li> <li>- Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn</li> </ul>
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	98,900	4.9%	239.7%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh</li> <li>- Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15%</li> <li>- Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020</li> </ul>
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,450	0.3%	55.8%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019</li> <li>- Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020</li> <li>- Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh</li> </ul>
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,400	1.3%	53.1%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện</li> <li>- Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu</li> <li>- Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh</li> </ul>
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	55,700	0.2%	284.8%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại</li> <li>- Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục</li> <li>- Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.</li> </ul>
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	45,600	-0.9%	232.8%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng</li> <li>- Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA</li> <li>- Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc</li> </ul>

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HAH	5.6%	4.4%	72.7
DHC	0.2%	35.3%	44.1
VHM	-0.1%	22.9%	38.5
GAS	1.3%	2.5%	29.9
KDH	2.8%	30.8%	26.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.2%	25.7%	-75.4
VNM	0.9%	54.8%	-100.0
PAN	-0.8%	34.3%	-13.9
SSI	0.4%	44.4%	-10.6
DPM	-2.6%	9.8%	-18.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	-3.6%	16.4%	1.0
TVD	-5.5%	0.4%	0.7
MBG	-2.6%	0.6%	0.6
API	2.3%	1.0%	0.6
TMB	0.0%	0.0%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	8.0%	-3.5
PVG	2.8%	1.1%	-2.0
VNR	4.4%	27.4%	-1.5
HUT	-0.9%	2.8%	-0.5
PGS	3.7%	1.9%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.9%	GAS, POW
Công nghệ thông tin	6.6%	FPT, SAM
Bảo hiểm	5.1%	BVH, MIG
Tài nguyên Cơ bản	4.8%	HPG, DHC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.5%	REE, LGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-0.5%	TCH, HTL
Y tế	0.3%	VMD, TNH
Ngân hàng	1.1%	CTG, HDB
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.6%	TCM, GMC
Bán lẻ	1.7%	DGW, PSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	19.9%	GAS, POW
Bảo hiểm	9.9%	BVH, BMI
Dầu khí	9.2%	PLX, PVD
Bán lẻ	8.6%	MWG, DGW
Tài nguyên Cơ bản	8.6%	HPG, NKG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-4.5%	SSI, HCM
Ngân hàng	-1.8%	CTG, VCB
Y tế	-1.1%	DCL, DBD
Truyền thông	-0.6%	ADG, YEG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%	TMS, PDN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	271,361 (11.9)	22.5	59.3	57.1	14.7	4.1	5.7	3.7	3.5	0.6	1.8	-2.9	-7.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	606,438 (26.6)	26.6	10.0	9.4	35.9	32.1	27.1	2.9	2.2	-0.1	3.8	-3.7	16.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	149,561 (6.6)	17.8	26.3	18.3	-7.6	6.8	10.4	2.2	2.1	-0.5	3.4	7.6	-7.2
	NVL	NOVA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	216,381 (9.5)	31.3	36.0	19.2	6.7	19.4	17.4	4.4	3.5	0.4	2.5	0.5	117.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	109,287 (4.8)	11.6	26.0	19.1	18.0	12.3	14.4	3.0	2.5	2.8	5.4	8.9	63.5
Ngân hàng	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	85,153 (3.7)	13.9	11.9	8.7	-	16.3	18.5	1.8	1.4	-0.5	10.6	8.7	50.0
	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	81,697 (3.6)	6.3	18.3	14.3	11.7	19.7	20.1	3.1	2.5	0.2	1.1	-2.7	-0.9
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	50,217 (2.2)	12.7	17.0	12.0	-5.3	13.2	16.8	1.8	1.7	0.1	1.0	-1.0	-18.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	356,571 (15.7)	0.0	10.6	8.8	14.3	20.4	20.2	2.0	1.6	1.4	3.5	3.9	61.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	259,816 (11.4)	1.4	10.3	7.7	61.1	18.3	20.5	1.3	1.1	0.3	-1.0	-8.4	10.0
Bảo hiểm	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	486,971 (21.4)	0.0	12.5	10.7	18.8	18.5	16.6	2.1	1.7	0.7	1.1	4.2	98.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	307,992 (13.5)	0.0	8.6	7.1	14.6	22.1	22.3	1.6	1.3	0.2	0.9	-2.1	64.1
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	49,724 (2.2)	4.2	8.9	7.7	23.3	22.2	21.5	1.6	-	1.0	-2.0	-9.0	28.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	327,340 (14.4)	14.0	17.6	13.0	26.5	10.3	12.6	-	-	0.8	4.0	-5.9	52.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	333,630 (14.7)	0.0	9.8	8.3	37.5	22.6	20.3	1.9	1.5	0.4	-1.1	16.8	57.3
Chứng khoán	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	9,627 (0.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.6	-2.0	-	16.4
	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	91,785 (4.0)	21.0	27.5	24.8	15.8	8.2	8.6	2.1	2.0	-1.1	5.7	12.9	-7.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	35,949 (1.6)	14.2	16.9	17.5	9.1	12.0	12.0	1.9	1.7	-1.3	1.1	22.9	60.0
	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	378,339 (16.6)	55.4	15.7	14.0	-3.2	17.3	17.7	-	-	0.4	4.2	-7.7	86.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	269,057 (11.8)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.7	6.6	-2.7	111.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	248,376 (10.9)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-0.6	-3.6	-	11.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	337,254 (14.8)	27.2	11.2	19.0	36.3	-	-	3.7	3.4	0.6	3.6	-2.3	173.2
	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	317,203 (13.9)	42.1	18.8	17.4	4.0	32.7	33.9	5.7	5.5	0.9	-0.2	4.9	-17.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,251 (1.3)	36.9	22.2	18.7	7.3	23.0	24.2	4.6	4.0	2.6	5.5	8.5	-16.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	168,885 (7.4)	16.5	51.6	29.3	-51.9	17.5	22.8	8.8	6.9	2.7	3.9	13.7	63.7
Công nghiệp (vận tải)	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	53,744 (2.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.2	4.9	9.1	-48.8
	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	109,354 (4.8)	11.0	-	36.1	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.1	0.1	3.5	3.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	140,946 (6.2)	10.8	29.2	20.0	-57.0	9.6	13.0	2.5	2.3	3.0	5.1	1.4	57.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	55,480 (2.4)	38.4	35.3	11.2	65.7	3.1	8.4	1.1	1.0	0.8	2.4	3.0	-11.4
	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	65,341 (2.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	1.8	5.7	9.9	118.6
Công nghiệp (Tư bản)	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	142,709 (6.3)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	-1.4	4.3	-5.1	33.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	18,235 (0.8)	3.6	47.8	19.7	-52.4	1.4	3.2	0.6	0.6	-0.3	4.5	3.2	-9.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	63,821 (2.8)	0.0	13.3	11.1	-4.5	13.2	14.1	1.6	1.6	-1.1	7.0	9.6	44.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu**

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%) ,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ich	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	164,114 (7.2)	46.1	23.6	19.4	-17.5	18.4	20.9	4.3	3.9	1.3	8.6	28.0	29.8	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	25,753 (1.1)	31.4	16.4	12.2	-10.5	11.1	13.6	1.5	1.6	-1.8	6.6	2.6	-10.8	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	13,044 (0.6)	34.1	18.3	10.9	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.5	0.9	2.4	-4.9	-3.9	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,402,003 (61.6)	18.0	8.1	7.7	21.9	40.0	30.4	2.6	2.0	0.2	4.3	8.6	81.4	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	218,747 (9.6)	36.5	13.6	20.1	-0.5	13.8	8.9	1.7	1.6	-2.6	-1.8	5.4	98.9	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	123,777 (5.4)	46.5	18.8	17.8	-4.5	13.3	13.6	2.2	2.1	-3.1	0.2	14.6	101.8	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	579,146 (25.4)	38.9	5.6	7.7	67.9	47.7	26.8	2.2	1.7	0.1	1.9	9.7	136.6	
Năng lượng	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	83,564 (3.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.1	4.2	1.9	23.8	
	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	70,179 (3.1)	4.6	18.4	16.1	-51.0	16.0	16.1	-	-	-0.2	3.9	9.3	-1.3	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	198,051 (8.7)	39.9	276.5	37.9	-11.9	0.2	2.2	0.7	0.7	-0.6	0.0	28.6	45.7	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	153,138 (6.7)	35.9	11.5	10.5	1.2	14.7	13.8	1.5	1.4	-0.4	5.4	2.9	75.4	
Hàng tiêu dùng không thiết ý	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	182,426 (8.0)	0.0	19.0	14.9	13.7	24.5	27.2	4.2	3.7	0.6	2.1	15.6	62.5	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	58,840 (2.6)	0.0	21.1	16.7	2.4	20.2	23.4	3.9	3.3	2.6	0.5	15.4	22.8	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,799 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-	1.0	1.3	0.0	-66.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	94,176 (4.1)	30.3	39.6	24.6	-75.2	8.0	12.1	3.1	2.9	-1.0	0.9	20.3	50.0	
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,827 (1.3)	34.6	17.0	9.5	41.2	13.8	26.3	2.1	2.2	-0.7	3.7	-1.3	-15.1	
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,696 (0.1)	45.4	17.7	16.7	10.7	20.3	20.3	3.4	3.1	-0.2	-0.1	-2.7	-4.1	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	042 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	3.1	7.8	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	191,749 (8.4)	0.0	22.0	18.7	15.5	24.3	25.3	4.6	4.2	4.9	6.5	6.2	92.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## **KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM**

---

**Nguyễn Xuân Bình**

**Giám đốc Khối Phân tích**

binhnx@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**

research@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp**

**Dương Đức Hiếu**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp**

hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**

**Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ**

tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**

**Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**

**Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng**

tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**

**Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng**

hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**

**Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics**

anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**

**Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng**

dunglnt@kbsec.com.vn

### **Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**

**Trần Đức Anh**

**Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư**

anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**

**Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng**

quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**

**Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Mid cap & Semi bluechips**

congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**

**Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Mid cap & Semi bluechips**

anhttp@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Hỗ trợ**

**Nguyễn Cẩm Thơ**

**Chuyên viên hỗ trợ**

thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**

**Chuyên viên hỗ trợ**

huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Năm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.